

**TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 10 - 2020
V/v ly hôn và nuôi con

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm Nh dân: Ông Hà Bửu Khánh

Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án Nh dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án Nh dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Trọng Nh, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, VĐ, huyện VTh, tỉnh HG.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Cẩm L, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Th V, xã Th L, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2020 nguyên đơn anh Phan Trọng Nh trình bày: Anh và chị L do được sự mai mối tiến tới hôn Nh, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VĐ, huyện VTh, tỉnh HG vào ngày 04/04/2016. Trong thời gian chung sống anh và chị L rất hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên Phan Ngọc Tú U, sinh ngày 20/11/2016.

Sau khi sinh con được thời gian thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không thể tiếp tục sống với nhau và đã ly thân hơn 03 năm nay. Nay anh Nh xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Cẩm L.

Về con chung anh Nh đồng ý giao cháu Phan Ngọc Tú U, sinh ngày 20/11/2016 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu Uyên đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2020 bị đơn Nguyễn Cẩm L trình bày: Chị L xác nhận về quan hệ hôn Nh, con chung và thời gian ly thân như anh Nh trình bày là đúng. Về con chung chị L yêu cầu được nuôi con là cháu Phan Ngọc Tú U, sinh ngày 20/11/2016, yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có các tài sản chung là 15 chỉ vàng cưới vợ chồng bán để mua máy trục đất, giàn khoan nước để đi làm thuê; 06 con heo tơ, 01 con heo nái mới đẻ 10 con heo con có giá trị khoảng 22 triệu đồng; thuê của cha mẹ chồng 09 công ruộng để trồng lúa, thời điểm năm 2018 chị bỏ nhà đi lúa thu hoạch trị giá 47 triệu đồng; 01 chân hụi 5 triệu đồng, chị đã đóng được 05 lần. Tất cả các tài sản trên do anh Nh quản lý sử dụng.

Về nợ chung: Nợ tiền phân, tiền thuốc tiệm nguyên Lộc số tiền 11 triệu đồng; nợ tiệm ăn Thanh Đua 12 triệu đồng; nợ cha mẹ chồng 10 triệu đồng. Chị L đề nghị anh Nh trả lại 15 chỉ vàng. Đến ngày 18/9/2020 chị L có đơn xin vắng mặt và thay đổi ý kiến không yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, nếu sau này cần thiết chị sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị L với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Th V, xã Th L, huyện GR, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án Nh dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ

vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn Nh: Hôn Nh giữa anh Phan Trọng Nh và chị Nguyễn Cẩm L là hôn Nh hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 04/4/2016, tại Ủy ban Nh dân xã VĐ, huyện VTh, tỉnh HG theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014. Nguyên Nh dẫn đến ly hôn anh Nh cho rằng giữa chị L không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn Nh không đạt được chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ 03 năm nay. Đối với bị đơn chị L cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Nh và đồng ý ly hôn với anh Nh. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn Nh giữa anh Nh và chị L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn Nh không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nh với chị L.

[2.2]. Về con chung: Anh Nh chị L xác nhận có với nhau một người con chung tên là Phan Ngọc Tú U, sinh ngày 20/11/2016. Anh Nh đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, nghị nên tiếp tục giao cháu Phan Ngọc Tú U, sinh ngày 20/11/2016 cho chị L nuôi dưỡng. Anh Nh, chị L có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy anh Nh hiện đang sống phụ thuộc vào cha mẹ không có công việc làm ổn định, anh Nh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, xét thấy mức cấp dưỡng này phù hợp với quy định nghị nên ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Nh.

Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Án phí hôn Nh và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, anh Phan Trọng Nh

phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí anh Nh đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Về án phí cấp dưỡng: Do anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn Nh: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Trọng Nh được ly hôn với chị Nguyễn Cẩm L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Ngọc Tú U, sinh ngày 20/11/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nh, chị L có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 đến khi cháu Uyên đủ 18 tuổi.

Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn Nh sơ thẩm: Anh Phan Trọng Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Nh đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003594, ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí cấp dưỡng: Anh Phan Trọng Nh phải phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Anh Phan Trọng Nh có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng chị Nguyễn Cẩm L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- CCTHADS huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

CÁC HỘI THẨM NH DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên